

Công ty Cổ phần
Quản lý Quỹ Đầu tư FPT
FPT Fund Management
Joint Stock Company

**DANH MỤC CHỨNG KHOÁN CƠ
CẤU ĐỂ HOÁN ĐỔI LẤY MỘT LÔ
CHỨNG CHỈ ETF**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

**BASKET OF COMPONENT
SECURITIES AND CASH
TO EXCHANGE FOR ONE LOT OF ETF**

Kính gửi: Ủy ban chứng khoán nhà nước, Sở giao dịch Chứng khoán TP.HCM,
To: State Securities Commission of Vietnam, Ho Chi Minh Stock Exchange

- Tên CTQLQ/Fund Management company: Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư FPT/ FPT Fund Management Joint Stock Company
- Tên Ngân hàng giám sát/Supervisory Bank: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành/ Bank for Investment and Development of Vietnam JSC - Ha Thanh Branch
- Tên quỹ ETF/ETF name: Quỹ ETF FPT Capital VNX50/ FPT Capital VNX50 ETF
- Mã chứng khoán/Securities symbol: FUEFCV50
- Địa chỉ trụ sở chính/Main office address: Tầng 7, Khối 17 tầng, tòa nhà FPT Tower, Số 10, Phố Phạm Văn Bạch, Phường Cầu Giấy, Hà Nội/7th Floor, 17-story Block, FPT Tower, No. 10, Pham Van Bach Street, Cau Giay Ward, Hanoi
- Điện thoại/Tel: (84)24 - 7300 1313 Fax:

Chúng tôi thông báo Danh mục chứng khoán cơ cấu để hoán đổi như sau/ We announce the creation basket as follow:

- Ngày giao dịch hoán đổi/Exchange date: 7/8/2026
- Đơn vị tính lô ETF/Unit: 1 lô ETF tương đương 100 000 chứng chỉ quỹ ETF/1 lot of ETF = 100 000 ETF shares

Danh mục và tỷ lệ chứng khoán cơ cấu để hoán đổi 1 lô ETF/ Components and weighting:

STT	Mã chứng khoán	Số lượng	Tỷ lệ % trong danh mục
Order	Securities Symbol	Volume	Weighting
I,	Chứng khoán (Stock)	1,638,758,000	98.97%
1	ACB	3,400	4.61%
2	BID	300	0.69%
3	BSR	270	0.41%
4	CTG	800	1.54%
5	DCM	100	0.19%
6	DGC	160	0.39%
7	DPM	720	0.95%
8	EIB	1,000	1.10%
9	FPT	1,000	4.25%
10	FRT	70	0.57%
11	GEE	60	0.25%
12	GEX	580	0.87%
13	GMD	260	1.20%
14	HCM	460	0.71%
15	HDB	2,760	4.43%
16	HPG	3,580	4.76%
17	IDC	220	0.44%
18	KBC	400	0.68%
19	KDH	560	0.61%
20	LPB	1,910	6.11%
21	MBB	2,800	4.11%
22	MSB	1,560	1.52%
23	MSN	600	2.44%
24	MWG	780	3.40%



Người ký: CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN
LÝ QUỸ ĐẦU TƯ FPT
Email: anhvh2@fpt.com.vn
Ký ngày: 06/08/2026 17:28:29



25	NLG	300	0.39%
26	NVL	960	0.81%
27	PDR	500	0.36%
28	PLX	50	0.10%
29	PNJ	300	0.69%
30	POW	500	0.42%
31	PVS	200	0.41%
32	SHB	2,600	1.85%
33	SHS	550	0.53%
34	SSI	1,190	1.75%
35	STB	1,240	5.48%
36	TCB	2,700	4.83%
37	TPB	1,000	0.89%
38	VCB	660	2.36%
39	VCG	270	0.26%
40	VCI	600	0.78%
41	VHM	860	7.95%
42	VIB	1,400	1.25%
43	VIC	750	9.96%
44	VIX	1,610	1.36%
45	VJC	200	1.52%
46	VND	700	0.72%
47	VNM	570	2.02%
48	VPB	3,050	4.70%
49	VPI	100	0.39%
50	VRE	600	0.96%
II,	Tiền (Cash)	17,061,733	1.03%
II,	Tổng (Total) (I+II)	1,655,819,733	100.00%

-Chênh lệch giữa DMCKCC và lô chứng chỉ quỹ ETF hoán đổi /Spread between a basket of component securities and the value per lot of ETF:

-Giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu/Value of component securities basket: 1,638,758,000

- Giá trị lô chứng chỉ quỹ ETF/Value per lot of ETF: (VND) 1,655,819,733

- Giá trị chênh lệch/Difference in value: (VND) 17,061,733

- Phương án xử lý đối với giá trị chênh lệch/With cash component:

Đối với nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ ETF/With creation order: *Nộp tiền bằng giá trị chênh lệch/ Transfer cash component*

Đối với nhà đầu tư bán chứng chỉ quỹ ETF/With redemption order: *Nhận tiền bằng giá trị chênh lệch trừ đi thuế, phí mua lại/ Receive cash component after subtracting tax and redemption fee*

- Các trường hợp CKCC được thay bằng tiền/In case, stock can be replaced by cash

Mã chứng khoán/Securities symbol	Tiền thay thế tương ứng 1 cổ phiếu (VND)/Cash amount is replaced for 1 share (VND)	Đối tượng áp dụng/Applied investors	Lý do/Reason
ACB	24,695	Nhà đầu tư nước ngoài/ Foreign Investors	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ The stock reaches foreign ownership limit
MBB	26,730	Nhà đầu tư nước ngoài/ Foreign Investors	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ The stock reaches foreign ownership limit
MWG	79,420	Nhà đầu tư nước ngoài/ Foreign Investors	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ The stock reaches foreign ownership limit

TCB	32,615	Nhà đầu tư nước ngoài/ Foreign Investors	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ The stock reaches foreign ownership limit
VIB	16,280	Nhà đầu tư nước ngoài/ Foreign Investors	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ The stock reaches foreign ownership limit

Các chỉ tiêu khác/ Other criteria

Chỉ tiêu/Criteria	Kỳ này/Current period (*) 6/8/2026	Kỳ trước/ Previous period (**) 5/8/2026	Chênh lệch/Changes
1. Số lô đã phát hành thêm/ Creation Units were issued	0	0	-
2. Số lô đã mua lại/ Creation Units were redeemed	0	0	-
3. Tổng số lượng CCQ đăng ký niêm yết/Issued Shares	4,300,000	4,300,000	-
4. Giá đóng cửa (VND/ccq)/ Closed price	14,430	14,500	(70)
5. Giá trị tài sản ròng/ Net Asset Value			-
<i>Của quỹ ETF/ of the Fund</i>	71,200,248,543	71,389,294,432	(189,045,889)
<i>Của một lô ETF/per Creation Unit</i>	1,655,819,733	1,660,216,149	(4,396,416)
<i>Của một chứng chỉ quỹ/ per Share</i>	16,558.19	16,602.16	(44)
6. Chỉ số tham chiếu/ Benchmark Index	3,203.84	3,229.99	(26)

(*)Chỉ tiêu số 5 lấy giá trị tài sản ròng tại ngày 5/8/2026

(**) Chỉ tiêu số 5 lấy giá trị tài sản ròng tại ngày 4/8/2026

Authorised Representative to disclose information



Nguyễn Thành Long

Người được ủy quyền công bố thông tin

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu Tư FPT

Ngày ký

6/8/2026

